

TUẦN 7 (18/10/2021-23/10/2021)

Tiết 31- 32

LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGÀ

(Trích truyện Lục Vân Tiên)

Nguyễn Đình Chiểu

 Học sinh đọc ngữ liệu sách giáo khoa trang 109-113 để nghiên cứu bài học.

I/ Đọc - Tìm hiểu chú thích

1. Tác giả

- Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888)
- Sinh ở Gia Định, quê cha ở Huế
- Ông là một nhà yêu nước, một thầy thuốc đáng trọng, một nhà thơ lớn của dân tộc.
- Ông sáng tác nhiều thơ văn khích lệ tinh thần chiến đấu lòng yêu nước của nhân dân Nam Bộ
- Sáng tác nhiều tác phẩm chữ Nôm có giá trị:
 - + Truyện Lục Vân Tiên
 - + Ngư tiều y thuật vấn đáp
 - + Chạy tây
 - + Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc

2. Tác phẩm :

- a. Thể loại: Truyện thơ Nôm gồm 2082 câu lục bát.
- b. Hoàn cảnh sáng tác: Viết vào khoảng những năm 50 của thế kỉ 19.
- c. Vị trí đoạn trích: Nằm ở phần đầu của truyện (từ câu 123 – 180). Nội dung : Lục Vân Tiên đánh bọn cướp Phong Lai cứu Kiều Nguyệt Nga
- d. Tóm tắt :
 - LVT đánh cướp cứu KNN
 - LVT gặp nạn được thần và nhân dân cứu
 - KNN gặp nạn , được cứu
 - LVT và KNN gặp nhau sống hạnh phúc
- e. Bố cục: 2 phần:
 - 14 câu đầu: LVT đánh cướp
 - Còn lại: Cuộc trò chuyện giữa LVT và KNN.

II/ Đọc – hiểu văn bản:

1. Nhân vật Lục Vân Tiên

a. Hành động đánh bọn cướp

“ Ghé lại bên đàng
Bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô
Tả đột hữu xông
Khắc nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang”

→ Miêu tả, so sánh

→ **Dũng cảm, tài năng, tấm lòng vị nghĩa**

b. Cư xử với Kiều Nguyệt Nga:

“Hỏi : Ai than khóc... ?”

→ Ân cần, quan tâm

“Vân Tiên nghe nói động lòng,

Đáp rằng: “Ta đã trừ dòng lâu la.”

→ Động lòng an ủi

- Khoan khoan.....

- Nàng là phận gái ta là phận trai.

→ *Đứng đắn, trọng lễ giáo, có văn hóa.*

→ **Là người chính trực , hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài**

c. Quan niệm về người anh hùng:

“Làm ơn há dễ trông người trả ơn

Nhớ câu kiến nghĩa bất vi

Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.”

→ Xem việc nghĩa là bổn phận, một lẽ tự nhiên.

→ **Là hình ảnh đẹp, lý tưởng, tác giả gửi gắm niềm tin, khát vọng về trang anh hùng vì dân đẹp loạn.**

2. Nhân vật Kiều Nguyệt Nga

- Tự giới thiệu về mình

- Xưng hô : Quân tử - tiện thiếp

→ *khiêm nhường, cách nói năng dịu dàng, mực thước.*

- “Làm con đâu dám cãi cha

... Chút tôi liễu yếu đào tơ

Giữa đường lâm phải bụi dơ đã phần”

→ *Cách trình bày rõ ràng khúc chiết*

- “Gẫm câu báo đức thù công

Lấy chi cho phải tấm lòng cùng người.”

→ *Xem trọng ơn nghĩa*

→ **Là cô gái khuê các, thùy mị, nết na, có học thức, trọng ân tình**

III/ Tổng kết :

1. Nghệ thuật

- Khắc họa nhân vật qua cử chỉ, ngôn ngữ , hành động

- Ngôn ngữ mộc mạc, giản dị, gần với lời nói thông thường, mang màu sắc địa phương Nam Bộ.

- Kết truyện theo trình tự thời gian.

2 Nội dung: ghi nhớ (sgk/115)

Tiết 33. CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG

PHẦN VĂN

1. Một số tác giả , tác phẩm của địa phương (miền Nam)

STT	Họ và tên – bút danh (nếu có)	Năm sinh–mất	Quê quán	Tác phẩm chính
1	Anh Đức (Bùi Đức Ái)	1935 -2014	An Giang	- Hòn đất (1966) - Giấc mơ ông lão vườn chim (1970) - Miền sóng vỗ (1980)
2	Sơn Nam (Phạm Minh Tài)	1926- 2008	Kiên Giang	- Hương rừng Cà Mau - Chuyện xưa tích cũ - Người Sài Gòn
3	Viễn Phương (Phan Thanh Viễn)	1928- 2005	An Giang	Viễn lãng Bác
4	Nguyễn Quang Sáng (Bút danh: Nguyễn Sáng)	1932- 2014	An Giang	- Chiếc lược ngà (1966) - Mùa gió chướng (1975) - Dòng sông thơ ấu (1985)
5	Hồ Biểu Chánh (hiệu Thử Tiên, tên thật Hồ Văn Trung)	1884- 1958	Tiền Giang	- Biểu Chánh thi (thơ) - Mấy ngày ở Bến Súc (Hồi kí)

2. Viết một đoạn văn nêu cảm nghĩ về một tác giả mà em yêu thích
3. Tìm đọc những bài thơ của các tác giả ở địa phương em

Tiết 34, 35:

ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KỲ

A. PHẦN VĂN

I.VĂN BẢN NHẬT DỤNG:

Nắm nội dung và nghệ thuật trong các văn bản:

1. Phong cách Hồ Chí Minh
2. Đấu tranh cho một thế giới hòa bình
3. Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em.

II.VĂN THƠ TRUNG ĐẠI:

1. Chuyện người con gái Nam Xương (Tác giả, tác phẩm, nhân vật Vũ Nương, nội dung, nghệ thuật)
2. “Truyện Kiều” (Tác giả, tác phẩm, giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật), Các đoạn trích: “Chị em Thúy Kiều”, “Kiều ở lầu Ngưng Bích” (Vị trí đoạn trích, nội dung, nghệ thuật).
3. “Truyện Lục Vân Tiên”: (Tác giả, giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật), “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga” (Vị trí đoạn trích, nội dung, nghệ thuật).

B. PHẦN TIẾNG VIỆT

1. Nắm vững các kiến thức:
 - 1.1. Các phương châm hội thoại
 - 1.2. Xung hô trong hội thoại
 - 1.3. Cách dẫn trực tiếp, gián tiếp.
 - 1.4. Sự phát triển của từ vựng.
 - 1.5. Thuật ngữ.
 - 1.6. Trau dồi vốn từ.
2. Ôn tập và hoàn thành các bài tập trong SGK.

C. PHẦN TẬP LÀM VĂN

1. Văn bản thuyết minh (Sử dụng một số biện pháp nghệ thuật, sử dụng yếu tố miêu tả)
2. Văn bản tự sự (Tóm tắt văn bản tự sự; Miêu tả trong văn bản tự sự; Miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự; Nghị luận trong văn bản tự sự; Viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận; Đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự; Người kể chuyện trong văn bản tự sự).
3. Biết cách làm các kiểu văn bản trên. Chú ý rèn kỹ năng viết văn tự sự có yếu tố miêu tả và miêu tả nội tâm.

 **LƯU Ý:** Giáo viên bộ môn biên soạn đề, hướng dẫn học sinh rèn luyện kỹ năng giải đề có dữ liệu văn bản ngoài chương trình phù hợp với từng lớp dạy.